TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 6 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST – HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết L, sinh năm 1990; thường trú: Xã T huyện L, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: 327/19A tổ 36 khu phố L, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương, bà L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1991; thường trú: Thôn 18B xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: 327/19A tổ 36 khu phố L, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành N tự tìm hiểu yêu thương nhau, làm chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 21/01/2013). Quá trình chung sống vợ chồng chuyển đến tỉnh Bình Dương sinh sống làm ăn được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung,

không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm giữa bà L và ông N không còn, bà L yêu cầu ly hôn ông N.

Về nuôi con chung: Bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Thành O sinh ngày 30/5/2013, hiện cháu O đang sinh sống cùng với bà. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu nuôi dưỡng cháu O và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Võ Thị Tuyết L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N:* Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập ông N yêu cầu cung cấp bản tự khai, quá trình tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 29/5/2023, 16/6/2023 ông N vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do trong quá trình giải quyết vụ việc là chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà L làm đơn yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận. Về nuôi con chung, ông N và bà L có một con chung tên Nguyễn Thành O, sinh ngày 30/5/2013. Hiện cháu O đang ở cùng bà L và có nguyện vọng ở với bà L. Quá trình giải quyết vụ án ông N vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà L; không thể hiện nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, xét nguyện vọng của cháu O và yêu cầu của bà L, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và sự ổn định trong đời sống của con chung, căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu O cho bà L nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thành N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành N có chứng nhận kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 21/01/2013). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông N hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Tuyết L*: Qua trình bày của bà L thể hiện giữa bà L và ông N trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung Xét, mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của bà L thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông N không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành N có một con chung tên Nguyễn Thành O, sinh ngày 30/5/2013, Hiện cháu O chưa đủ 18 tuổi, xét nguyện vọng của cháu O và yêu cầu của bà L, quá trình giải quyết ông N vắng mặt không có lý do. Do vậy, cần giao cháu O cho bà L nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp, đồng thời ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà Võ Thị Tuyết L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết L đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết L được ly hôn ông Nguyễn Thành N (theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2013 cấp ngày 21/01/2013 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk)

1.2 Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung cháu Nguyễn Thành O, sinh ngày 30/5/2013 cho bà Võ Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Nguyễn Thành N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông Nguyễn Thành N, bà Võ Thị Tuyết L có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà L phải tạo điều kiện cho ông N trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Võ Thị Tuyết L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000812 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Võ Thị Tuyết L, ông Nguyễn Thành N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).